

TÁI CẤU TRÚC KHU VỰC TÀI CHÍNH – BÀI HỌC TỪ HÀN QUỐC

Th.s Trần Thị Thùy Linh, Th.s Nguyễn Thanh Huyền

Trường Đại học Thăng Long

TS. Vũ Hùng Phương

Đại học Kinh tế Quốc dân

Tái cấu trúc khu vực tài chính là một vấn đề nóng của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu. Hiện Việt Nam đang trong giai đoạn khởi đầu của quá trình tái cấu trúc khu vực tài chính, do đó bài học từ các quốc gia đã có những kinh nghiệm quý báu trong tái cấu trúc khu vực tài chính là vô cùng quan trọng. Sau khi trình bày sơ lược một số vấn đề trong hệ thống tài chính của Hàn Quốc trước khi xảy ra khủng hoảng tiền tệ khu vực, bài viết tập trung vào phân tích các biện pháp chính mà chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện để tái cấu trúc khu vực tài chính. Từ đó, bài viết rút ra một số bài học cho quá trình tái cấu trúc khu vực tài chính của Việt Nam.

Từ khóa: Hàn Quốc, Khủng hoảng, Khu vực tài chính, Ngân hàng, Tái cấu trúc

Nằm trong khu vực xảy ra khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997, Hàn Quốc là một trong những nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Tuy nhiên, Hàn Quốc đã nhanh chóng vượt qua khủng hoảng, khắc phục suy thoái bằng những chính sách cải cách mạnh mẽ như xây dựng nền kinh tế thị trường, phá bỏ quyền lực của các nhà tài phiệt, đề cao vai trò của các công ty vừa và nhỏ, giảm sự can thiệp của nhà nước và chống cấu kết chính trị-kinh doanh. Một trong những điểm nhấn của hàng loạt các chính sách thực hiện sau khủng hoảng của chính phủ Hàn Quốc là thực hiện chương trình tái cấu trúc khu vực tài chính - khu vực được xem là quan trọng và nhạy cảm nhất của nền kinh tế. Việt Nam đang trong giai đoạn đầu của quá trình tái cấu trúc nền kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang gặp suy thoái trầm trọng. Tái cấu trúc khu vực tài chính cũng được những người làm chính sách Việt Nam coi là biện pháp quan trọng giúp nền kinh tế có những thay đổi cơ bản để bước sang giai đoạn tăng trưởng ổn định và bền vững. Những thành công cũng như một số vấn đề còn tồn tại trong quá trình tái cấu trúc khu vực tài chính của Hàn Quốc là những bài học kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam.

1. Hệ thống tài chính của Hàn Quốc trước khủng hoảng

Bắt đầu từ thập niên 90, cán cân vãng lai của Hàn

Quốc bắt đầu xấu đi do sự gia tăng của lạm phát, sự lên giá của đồng Won và sự suy thoái của nền kinh tế thế giới. Năm 1991, thâm hụt cán cân vãng lai đã lên mức 8,7 tỷ Đôla, gấp 4 lần so với năm trước. Để giảm bớt tình trạng thâm hụt cán cân vãng lai cũng như để đáp ứng các yêu cầu gia nhập Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) vào năm 1996, chính phủ Hàn Quốc đã mở cửa thị trường vốn và khuyến khích các dòng vốn vào. Tuy nhiên, do không chú ý tới tính ổn định của hệ thống tài chính nên dòng vốn vào chủ yếu là dòng vốn ngắn hạn. Kết quả là vào năm 1996 trong khu vực ngân hàng, 61% tổng nợ nước ngoài là nợ ngắn hạn. Điều đáng chú ý là các khoản nợ nước ngoài ngắn hạn này lại được sử dụng để tài trợ cho các hoạt động đầu tư dài hạn trong nước. Điều này dẫn đến sự mất cân đối về cả kỳ hạn (maturity mismatches) và tiền tệ (currency mismatches).

Bên cạnh đó, trong một thời gian ngắn chính phủ đã cho phép thành lập thêm rất nhiều các tổ chức tài chính có các hoạt động liên quan đến ngoại tệ, đặc biệt là sự hình thành các ngân hàng bán buôn. Số lượng các ngân hàng này đã tăng từ 6 lên 30 trong giai đoạn từ 1994 đến 1996. Nhiều ngân hàng trong số này là do các Chaebol sở hữu và trở thành kênh cung cấp vốn cho chính các Chaebol. Các ngân hàng bán buôn (NHBB) chủ yếu đi vay ngắn hạn

với giá rẻ từ các Quỹ của Nhật Bản tại Hồng Kông sau đó tài trợ cho các hoạt động đầu tư dài hạn. Để cạnh tranh với các NHBB, các ngân hàng thương mại (NHTM) cũng đi vay ngắn hạn từ nước ngoài. Việc này làm trầm trọng thêm sự mất cân đối về kỳ hạn và tiền tệ trên bảng cân đối kế toán của các ngân hàng và các công ty. Cụ thể là 80% nợ nước ngoài ngắn hạn được đầu tư vào 70% các tài sản dài hạn. Đến cuối năm 1997, tổng số nợ ngắn hạn nước ngoài đã đạt mức 63,8 tỷ Đôla trong khi đó tổng dự trữ ngoại tệ chỉ là 9,1 tỷ Đôla. Điều này khiến cho Hàn Quốc không thể giải quyết được hiện tượng “mất cân đối kép” (double mismatches).

2. Một số biện pháp tái cấu trúc khu vực tài chính Hàn Quốc

Quá trình tái cấu trúc khu vực tài chính của Hàn Quốc có hai mục tiêu. Mục tiêu thứ nhất là cải thiện tính lành mạnh của các tổ chức tài chính bằng cách làm sạch bảng cân đối của các tổ chức để tránh có một cuộc khủng hoảng tương tự xảy ra trong tương lai. Mục tiêu thứ hai là khôi phục sự ổn định của hệ thống tài chính để đảm bảo cho nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng ổn định. Quá trình tái cấu trúc khu vực tài chính của Hàn Quốc được thực hiện thông qua một số biện pháp sau:

Thứ nhất, củng cố hệ thống luật pháp và quy định: bước đầu tiên được thực hiện trong chương trình tái cấu trúc đó là việc hoàn thiện khung pháp lý làm cơ sở cho việc thực hiện các cải cách cần thiết. Ngày 29/12/1997, 13 dự luật tài chính, bao gồm cả dự luật thành lập cơ quan giám sát tài chính hợp nhất được ban hành. Trên cơ sở đó, Ủy ban Giám sát Tài chính (Financial Supervision Commission - FSC) được thành lập vào ngày 01/04/1998. Tháng 01/1998, tất cả các bộ phận giám sát tài chính đang tồn tại riêng rẽ được sáp nhập hình thành nên Sở giám sát Tài chính (FSS) hoạt động với tư cách là một cơ quan quản lý đối với FSC. Bên cạnh đó, đạo luật về tái cấu trúc khu vực tài chính đã được sửa đổi giúp FSC và FSS có một công cụ điều tiết hiệu quả để thực hiện việc xóa nợ, sáp nhập, đình chỉ và đóng cửa các tổ chức tài chính yếu kém. Trước đó, Công ty Quản lý Tài sản Hàn Quốc (Korea Asset Management Company-KAMCO) đã được tổ chức lại và một quỹ giải quyết các khoản nợ xấu được hình thành trực thuộc KAMCO để thực hiện việc mua các khoản nợ xấu của các tổ chức tài chính.

Thứ hai, củng cố các tổ chức tài chính: hệ thống ngân hàng Hàn Quốc có hai vấn đề (1) không đủ vốn và (2) chất lượng tài sản thấp. Nguyên nhân là do sự sụp đổ của các Chaebol làm tăng các khoản nợ xấu, ảnh hưởng đến bảng cân đối của các ngân hàng. Một số biện pháp được áp dụng để gia tăng tính lành mạnh của các tổ chức tài chính. Trước tiên, chính phủ triển khai biện pháp “Hành động điều chỉnh kịp thời” (Prompt Corrective Action) được áp dụng cho các NHTM và NHBB sau đó mở rộng sang các công ty chứng khoán (tháng 4 năm 1998), công ty bảo hiểm (tháng 6 năm 1998), các quỹ tiết kiệm tương hỗ và các công ty tài chính (tháng 12 năm 1999). Nội dung chính của biện pháp này là các NHTM có tỷ lệ đủ vốn (theo quy định của Ngân hàng thanh toán quốc tế - BIS) dưới 2% phải nâng cao năng lực quản trị theo chỉ định của FSS như thoái vốn cổ phần, dừng hoạt động, sáp nhập với các tổ chức tài chính lành mạnh hơn hoặc yêu cầu chuyển các hợp đồng của khách hàng (các khoản tiền gửi và cho vay) cho các tổ chức tài chính lành mạnh hơn.

Đồng thời, Chính phủ yêu cầu các tổ chức tài chính với quy mô tài sản nhất định phải bổ nhiệm các giám đốc bên ngoài (tháng 1 năm 2000), thành lập ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm giám đốc điều hành nguyên tắc (compliance officer) để giám sát tổ chức có tuân theo luật pháp hay không. Tháng 9 năm 1999, Chính phủ yêu cầu các NHTM phải công bố báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý. NHTM và ngân hàng bán buôn phải đảm bảo 100% khoản dự phòng mất vốn. Chính phủ cũng yêu cầu đánh giá giá trị theo thị trường các chứng khoán khả mại do các tổ chức tài chính nắm giữ (từ tháng 6 năm 1998 đến tháng 3 năm 2000).

Một chỉ tiêu khác phản ánh sự lành mạnh của các ngân hàng là hệ số đủ vốn (được quy định bởi BIS) cũng tăng đáng kể. Năm 1997, hệ số này dừng lại ở mức 7,04% tức là thấp hơn mức tối thiểu 8% do BIS đưa ra đã tăng lên 10,5% vào cuối năm 2002 do sự cố gắng nâng cao tính lành mạnh về tài chính của các ngân hàng và việc bơm vốn của các quỹ cộng đồng.

Thứ ba, sắp xếp lại các tổ chức tài chính yếu kém: quá trình sắp xếp lại các tổ chức tài chính yếu kém được thực hiện theo hướng giảm bớt số lượng các tổ chức tài chính thông qua việc cho ngừng hoạt động, sáp nhập với các tổ chức hoặc ngân hàng khác, bán cho tư bản nước ngoài hoặc thành lập

công ty mẹ con trong lĩnh vực tài chính.

Trong quá trình tái cấu trúc khu vực tài chính, số lượng nhân viên trong các tổ chức tài chính và các chi nhánh cũng giảm bớt. Trong khu vực NHTM số lượng nhân viên giảm từ 113.000 vào cuối năm 1997 xuống còn 66.000 vào năm 2002. Cũng trong khoảng thời gian đó số nhân viên trong các công ty bảo hiểm giảm khoảng 43,2%.

Thứ tư, tăng cường các quy định có tính thận trọng: theo thỏa thuận với IMF, từ năm 1998, chính phủ Hàn Quốc đã tăng cường các quy định có tính thận trọng bằng cách áp dụng cách tiếp cận nhìn về tương lai (future-looking approach) trong việc phân loại tài sản, trong đó có tính đến khả năng trả nợ trong tương lai của người đi vay bên cạnh các báo cáo tài chính mà người đi vay đưa ra. Tiêu chuẩn phân loại nợ đã được xiết chặt 6 lần (trong đó 3 lần đối với khu vực ngân hàng và 3 lần đối với khu vực phi ngân hàng) với mục tiêu xiết chặt các tiêu chuẩn đối với các NHTM. Trước khi khủng hoảng xảy ra, những khoản nợ quá hạn từ 6 tháng trở lên được coi là nợ xấu. Sau khi điều chỉnh tiêu chuẩn phân loại nợ và phù hợp với chuẩn mực quốc tế, những khoản nợ quá hạn từ 3 tháng trở lên được xếp vào các khoản nợ xấu. Với những tiêu chuẩn mới, nhiều

khoản nợ bình thường chuyển thành nợ xấu. Do đó, sau khi công bố nợ xấu là 43,6 nghìn tỷ won vào cuối năm 1997, nợ xấu trong các tổ chức tài chính vẫn có xu hướng gia tăng đến cuối năm 1999. Với sự trợ giúp của các quỹ cộng đồng có quy mô lớn, số lượng các khoản nợ xấu đã giảm xuống còn 31,8 nghìn tỷ won vào cuối năm 2002. Tỷ lệ nợ xấu cũng giảm mạnh từ 10,4% vào cuối năm 1998 xuống còn 3,9% vào cuối năm 2002.

Một số các biện pháp khác cũng được FSC thực hiện để tăng cường các quy định có tính thận trọng như gia tăng các quy định về việc vay nợ nước ngoài ngắn hạn của các ngân hàng, hạn chế ngân hàng cho vay đối với các công ty lớn, tăng cường các quy định về công khai thông tin đối với các tổ chức tài chính.

Thứ năm, hạn chế rủi ro đạo đức (moral hazard): bên cạnh việc xiết chặt các tiêu chuẩn phân loại tài sản và xóa bỏ các khoản nợ xấu, chính phủ cũng đã thực hiện các giải pháp nhìn về tương lai để nâng cao hiệu quả và sự ổn định của hệ thống tài chính thông qua hạn chế rủi ro đạo đức. Một trong những cải cách quan trọng trong lĩnh vực này là việc áp dụng cơ chế bảo hiểm tiền gửi từng phần. Trước khi khủng hoảng xảy ra, cả người gửi tiền và các nhà

Bảng 1: Sự thay đổi tiêu chuẩn phân loại nợ

Tháng 9 năm 1998	Tiêu chuẩn phân loại nợ đối với các NHTM chặt chẽ hơn
	- Các khoản nợ xấu của NHTM bao gồm khoản nợ của các công ty thua lỗ và khoản nợ bị trì hoãn thanh toán hơn 3 tháng (quy định trước đây là 6 tháng)
Tháng 3 năm 1999	Tiêu chuẩn phân loại nợ trước đây chỉ áp dụng cho khu vực ngân hàng giờ được áp dụng cho cả khu vực phi ngân hàng.
Cuối năm 1999	Đưa ra các tiêu chí nhìn về tương lai (Forward Looking Criteria-FLC) trong lĩnh vực ngân hàng. Đây là tiêu chí khắt khe hơn, trong đó không chỉ tính đến các khoản nợ chưa thanh toán mà còn xem xét cả khả năng trả nợ của người đi vay
	- Các khoản nợ xấu được định nghĩa là các khoản nợ không thanh toán được (Non-performing loans - NPLs) bao gồm:
	+ Các khoản nợ “ngghi ngờ” hoặc “có khả năng thua lỗ” theo tiêu chuẩn của FLC
	+ Các khoản nợ đã trì hoãn thanh toán ít nhất 3 tháng
	+ Các khoản nợ của công ty không có khả năng trả nợ
+ Các khoản nợ đã gia hạn.	
Tháng 3 năm 2000	Các khoản nợ xấu được định nghĩa là nợ dưới chuẩn(Substandard) được phân loại theo FLC bao gồm:
	+ Các khoản nợ “dưới chuẩn”, “ngghi ngờ” hoặc “có khả năng thua lỗ”
	+ Các khoản nợ trì hoãn thanh toán từ 3 tháng trở lên
	+ Các khoản nợ của các công ty không có khả năng thanh toán nợ
+ các khoản nợ đã gia hạn nợ	
Tháng 6 năm 2000	FLC được áp dụng cho các NHBB
Tháng 8 năm 2000	FLC được áp dụng cho các công ty bảo hiểm

Nguồn: Bộ Tài chính và Kinh tế Hàn Quốc

đầu tư đều cho rằng toàn bộ tài sản của họ được chính phủ bảo đảm. Bắt đầu từ tháng 1 năm 2001, bảo hiểm tiền gửi giảm xuống mức 50 triệu won đối với một người gửi tiền trong một tổ chức tài chính. Chính sách này ban đầu vấp phải sự phản đối của những người cho rằng chính sách như vậy sẽ làm gia tăng tính bất ổn định của hệ thống tài chính do có sự chuyển nhượng đột ngột và quy mô lớn các khoản tiền gửi giữa các tổ chức tài chính. Tuy nhiên, điều này đã không xảy ra và chính sách bảo hiểm tiền gửi một phần đã tạo ra một nguyên tắc thị trường khiến cho những người gửi tiền phải tự mình tìm đến những tổ chức tài chính lành mạnh. Chính sách này cũng cho thấy cơ chế bảo lãnh ngầm của chính phủ, đặc biệt đối với các tập đoàn lớn, đã kết thúc. Kết quả là đến cuối năm 1999 có 14 trong số 30 tập đoàn lớn nhất đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc gặp khó khăn.

Thứ sáu, tăng cường khả năng quản trị trong các tổ chức tài chính: nhiều giải pháp đã được áp dụng nhằm cải thiện năng lực quản trị trong các tổ chức tài chính như cho phép người nước ngoài sở hữu và trở thành người điều hành các NHTM, củng cố quyền của các cổ đông thiểu số trong các ngân hàng, tăng hạn mức sở hữu cổ phần ngân hàng của chủ thể trong nước từ 4% lên 10%. Tuy nhiên chính phủ vẫn cấm các công ty phi tài chính (tư bản công nghiệp) nắm giữ quá 4% cổ phần trong một ngân hàng. Nếu tư bản công nghiệp đã có kế hoạch chuyển thành tập đoàn tài chính thì được phép sở hữu hơn 4% cổ phần

trong ngân hàng và nếu được Ủy ban giám sát tài chính (FSC) cho phép các tổ chức này được sở hữu hơn 10%.

3. Một số vấn đề tồn tại

Dù được bơm một lượng vốn lớn từ các quỹ cộng đồng nhưng quá trình tái cấu trúc khu vực tài chính đã không diễn ra đúng như kế hoạch vì việc kiểm soát các tổ chức tài chính yếu kém có quy mô lớn bị trì hoãn. Ví dụ, quá trình đàm phán về việc bán Ngân hàng Seoul được bắt đầu từ tháng 4 năm 2000 giữa KDIC và Ngân hàng Deutsche đã thất bại mặc dù hơn 12 nghìn tỷ won đã được quỹ cộng đồng bơm cho ngân hàng này. Đầu năm 2002, một số cách thức xử lý ngân hàng yếu kém đã được áp dụng cho trường hợp này bao gồm cho phép tồn tại độc lập; bán cho một quỹ đầu tư nước ngoài hoặc các tập đoàn công nghiệp trong nước; hoặc để một ngân hàng trong nước mua lại. Cuối cùng, ngân hàng này được bán cho Ngân hàng Hana vào tháng 11.

Quá trình xử lý các tổ chức hoạt động không hiệu quả trong khu vực phi ngân hàng không thực hiện đúng kế hoạch như khu vực ngân hàng. Quá trình bán các tổ chức tài chính phi ngân hàng như công ty bảo hiểm, công ty thẻ tín dụng, công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính diễn ra chậm chạp do chính phủ không tìm được sự đồng thuận trong việc ký hợp đồng với các tập đoàn tài chính. Do vậy, chất lượng tài sản của các tổ chức tài chính phi ngân hàng giảm so với các ngân hàng. Cụ thể là tỷ lệ

Bảng 2: Tình hình tái cấu trúc khu vực tài chính

Khu vực	Tổng số các tổ chức cuối năm 1997 (A)	Cách thức tái cấu trúc					Số lượng các tổ chức thành lập mới	Số lượng các tổ chức đang hoạt động
		Đóng cửa	Sáp nhập	Thanh lý/Chuyển giao hợp đồng/Đình chỉ hoạt động	Tổng (B)	B/A		
NHTM	33	5	10	-	15	45,5	1	19
Khu vực phi NH	2.068	123	151	370	644	31,1	64	1.488
NHBB	30	18	6	4	28	93,3	1	3
Công ty chứng khoán	36	5	3	2	10	27,8	18	44
Công ty bảo hiểm	50	8	6	2	16	32	12	46
Công ty tín thác đầu tư	30	6	1	-	7	23,3	8	31
NH tiết kiệm tương hỗ	231	75	27	26	128	55,4	12	115
Liên hiệp tín dụng	1.666	2	106	336	444	26,7	9	1.231
Công ty cho thuê tài chính	25	9	2	-	11	44	4	18
Tổng	2.101	128	161	370	659	31,4	65	1.507

Nguồn: Bộ Tài chính và Kinh tế, Sở giám sát tài chính Hàn Quốc

trung bình các khoản nợ dưới tiêu chuẩn chiếm 10,7% trong tổng số nợ, cao hơn 2,3% so với các NHTM. Tỷ lệ nợ xấu đối với các công ty thế tín dụng, ngân hàng tiết kiệm tương hỗ và công ty tài chính lần lượt là 46,8%, 14,8% và 12,2%.

4. Kết luận

Qua một số biện pháp mà Chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện trong quá trình tái cấu trúc khu vực tài chính có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam như sau:

Thứ nhất, chính phủ Việt Nam cần xác định rõ mục tiêu của tái cấu trúc khu vực tài chính là nâng cao tính lành mạnh của hệ thống tài chính bằng cách nâng cao chất lượng tài sản của các tổ chức tài chính. Một biện pháp cần thực hiện ngay và triệt để là việc áp dụng tiêu chuẩn phân loại nợ mới trong các ngân hàng. Từ năm 2008, Ngân hàng Nhà nước đã yêu cầu tất cả các NHTM phải phân loại và trích lập dự phòng theo chuẩn mới với 50 tiêu chí phản ánh đầy đủ về thời gian và khả năng trả nợ. Tuy nhiên, tính đến cuối năm 2011 mới chỉ có một số ít NHTM như BIDV, Vietcombank, Techcombank là thực hiện theo quy định mới. Theo kinh nghiệm của Hàn Quốc, việc xây dựng tiêu chí phân loại nợ khắt khe hơn sẽ tạo áp lực để các tổ chức tài chính lành mạnh hóa các hoạt động của mình. Bên cạnh đó, Việt Nam cần áp dụng tiêu chuẩn phân loại nợ đối với các tổ chức tài chính khác như công ty bảo hiểm, công ty tài chính để tăng tính lành mạnh của cả hệ thống tài chính.

Thứ hai, hiện nay quá trình tái cấu trúc khu vực tài chính ngân hàng của Việt Nam đã được khởi động bằng việc sáp nhập 3 ngân hàng Đệ Nhất, Tín Nghĩa và Sài Gòn. Tuy nhiên, qua trường hợp của

Hàn Quốc có thể thấy mua bán và sáp nhập (M&A) không phải là cách thức duy nhất để tái cấu trúc. Ngoài M&A, một số cách thức khác mà Việt Nam ít nhắc đến cũng cần được xem xét như đóng cửa, đình chỉ hoạt động, chuyển giao hợp đồng cho các tổ chức lành mạnh hơn...

Thứ ba, kinh nghiệm của Hàn Quốc cho thấy quá trình tái cấu trúc khu vực tài chính không chỉ tập trung vào các ngân hàng mà còn thực hiện đối với các tổ chức tài chính phi ngân hàng. Điều này tạo ra sự thay đổi toàn diện của cả hệ thống tài chính. Việt Nam cũng cần có kế hoạch tái cấu trúc đối với các tổ chức tài chính như công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, công ty tài chính... song hành với các quá trình tái cấu trúc các ngân hàng thương mại.

Thứ tư, thời gian qua ở Việt Nam tồn tại vấn đề tương tự như Hàn Quốc là có những tập đoàn kinh tế kiểm soát một số ngân hàng và sử dụng chính các ngân hàng đó để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của mình. Điều này dẫn đến hiện tượng đầu tư quá mức, đầu tư ngoài ngành và sở hữu chéo. Qua đó cho thấy, đồng thời với quá trình tái cấu trúc khu vực tài chính, cần có các biện pháp hạn chế các tập đoàn công nghiệp vươn sang lĩnh vực tài chính. Việt Nam có thể áp dụng một giải pháp cụ thể mà Hàn Quốc đã thực hiện là quy định một tỷ lệ % nhất định số cổ phần mà một công ty phi tài chính được phép nắm giữ trong ngân hàng. Như vậy, quá trình tái cấu trúc khu vực tài chính không thể diễn ra một cách đơn lẻ mà phải kết hợp đồng bộ với quá trình tái cấu trúc các khu vực khác như khu vực doanh nghiệp, khu vực nhà nước. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Bảo (2010) Tái cấu trúc khu vực tài chính ngân hàng sau khủng hoảng, *Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 6 (170), tr. 61-67.
2. Choong Yong Ahn (2002), *Financial and Corporate Sector Reform in South Korea: Toward a New Development Paradigm*, Korea Institute for International Economic Policy.
3. Kim Kihwan (2006), *The 1997-98 Korean Financial Crisis: Causes, Policy Response, and Lessons*, Presentation at The High-Level Seminar on *Crisis Prevention in Emerging Markets*, Singapore, July 10-11
4. Noland M. (1996), *Restructuring Korea's Financial Sector for Greater Competitiveness*, Working Paper 96-14, Institute for International Economics.